|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: ......./2016/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày ...... tháng ...... năm 2016* |
| **Dự thảo V.1** |  |

**NGHỊ ĐỊNH**

**QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khí tượng thủy văn.*

**Chương 1. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. **Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết thi hành khoản 6 Điều 13, khoản 4 Điều 15, khoản 7 Điều 25, khoản 6 Điều 32, khoản 3 Điều 48 của Luật khí tượng thủy văn, bao gồm:

1. Quan trắc khí tượng thủy văn của chủ công trình và việc cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn.

2. Hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn.

3. Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức, cá nhân không thuộc hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia.

4. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.

5. Trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

1. **Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài; tổ chức quốc tế tham gia hoạt động khí tượng thủy văn trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Chương 2. QUY ĐỊNH CHI TIẾT**

**Mục 1.**

**Quan trắc khí tượng thủy văn của chủ công trình và việc cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn**

1. **Loại công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn**

Công trình phải quan trắc quy định tại Khoản 3 Điều 13 của Luật khí tượng thủy văn, bao gồm:

1. Sân bay dân dụng.
2. Hồ chứa thủy điện, hồ chứa thủy lợi có dung tích từ một trăm triệu mét khối (100.000.000 m3) trở lên; hồ chứa khác thuộc phạm vi điều chỉnh của quy trình vận hành liên hồ chứa.
3. Cảng biển.
4. Bến phà qua vùng cửa sông ven biển, vùng đầm, phá, vụng, vịnh, hoặc các đảo thuộc vùng nội thủy.
5. Cầu qua vùng cửa sông ven biển, eo biển, vịnh hoặc các đảo vùng nội thủy.
6. Công trình đường cao tốc.
7. Tháp thu phát sóng phát thanh, truyền hình có kết hợp khai thác kinh doanh du lịch trên tháp.
8. Công trình dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng tại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.
9. Bộ Tài nguyên và Môi trường định kỳ 03 năm rà soát, báo cáo Chính phủ quyết định bổ sung loại công trình phải quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn theo quy định tại Nghị định này.
10. **Nội dung, tần suất quan trắc khí tượng thủy văn**

Chủ công trình quy định tại Điều 3 của Nghị định này quyết định nội dung và tần suất quan trắc khí tượng thủy văn theo nhu cầu khai thác, sử dụng công trình nhưng phải đảm bảo quan trắc các yếu tố và tần suất quan trắc tối thiểu đối với từng loại công trình như sau:

1. Sân bay dân dụng: quan trắc đầy đủ theo quy định của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) và Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO).
2. Hồ chứa thủy điện, hồ chứa thủy lợi: quan trắc mực nước, lượng mưa tại thượng lưu và hạ lưu hồ; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả, lưu lượng tháo qua tuabin, dự tính khả năng gia tăng mực nước hồ theo lưu lượng đến hồ, tần suất 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ, 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ trong mùa cạn. Trường hợp vận hành chống lũ, tần suất quan trắc, tính toán tối thiểu một giờ một lần.
3. Cảng biển: quan trắc hướng và tốc độ gió, tầm nhìn ngang, mực nước, tần suất 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ.
4. Bến phà qua vùng cửa sông ven biển, vùng đầm, phá, vụng, vịnh, hoặc các đảo thuộc vùng nội thủy: quan trắc hướng và tốc độ gió, tầm nhìn ngang, mực nước, tần suất 3 lần một ngày vào 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ.
5. Cầu qua vùng cửa sông ven biển, eo biển, vịnh hoặc các đảo vùng nội thủy: quan trắc hướng và tốc độ gió, tầm nhìn ngang tại vị trí giữa cầu, tần suất 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ.
6. Công trình đường cao tốc: tối thiểu 30 km có 1 điểm quan trắc hướng và tốc độ gió, lượng mưa, tầm nhìn ngang, tần suất 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ; nhiệt độ bề mặt đường, tần suất 1 lần một ngày vào 13 giờ.

Trường hợp đường cao tốc có chiều dài nhỏ hơn 50 km, thực hiện quan trắc tại một điểm khoảng giữa chiều dài đường.

1. Tháp thu phát sóng phát thanh, truyền hình có kết hợp khai thác kinh doanh du lịch trên tháp: quan trắc hướng và tốc độ gió ở độ cao có khai thác kinh doanh du lịch, tần suất 3 lần một ngày vào 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ.
2. Công trình dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng tại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: quan trắc lượng mưa, nhiệt độ và độ ẩm không khí, hướng và tốc độ gió, tần suất 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ.
3. **Yêu cầu đối với quan trắc khí tượng thủy văn của các chủ công trình**
4. Quan trắc tại các công trình phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật về quan trắc khí tượng thủy văn.
5. Phương tiện đo khí tượng thủy văn được sử dụng quan trắc tại các công trình phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường và Luật khí tượng thủy văn.
6. Người thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn tại các công trình phải được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về khí tượng thủy văn.
7. **Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn**

Việc cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn quy định tại khoản 5 Điều 13 của Luật khí tượng thủy văn được quy định như sau:

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn của trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia cho hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia và cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia.
2. Chủ công trình quy định tại Điều 3 của Nghị định này cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn quan trắc được về hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia như sau:

a) Sân bay dân dụng: cung cấp 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ toàn bộ thông tin, dữ liệu quan trắc được;

b) Công trình khác cung cấp ngay sau khi kết thúc quan trắc tối đa 30 phút.

1. Trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng khác định kỳ hằng năm 1 lần chuyển toàn bộ thông tin, dữ liệu quan trắc được cho cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia.
2. Chủ công trình quy định tại Điều 3 của Nghị định này, cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng khác có trách nhiệm phối hợp, thống nhất với hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia và cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia để cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn quan trắc được.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương thức cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc của chủ công trình quy định tại khoản 2 và chủ quản lý trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng quy định tại khoản 3 Điều này; tổ chức lưu trữ thông tin, dữ liệu quan trắc do các chủ công trình, trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng cung cấp trong cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia.

**Mục 2.**

**Hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn**

1. **Loại công trình khí tượng thủy văn**
2. Vườn quan trắc khí tượng bề mặt.
3. Tháp (cột) quan trắc khí tượng tự động.
4. Vườn phục vụ quan trắc khí tượng trên cao.
5. Tháp lắp đặt ra đa thời tiết.
6. Tháp lắp đặt thiết bị thu phát số liệu vệ tinh.
7. Công trình đo lưu lượng nước sông.
8. Công trình đo mực nước sông, hồ, biển.
9. Công trình đo mưa.
10. Công trình truyền phát thông tin khí tượng thủy văn.
11. **Hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn**
12. Hành lang kỹ thuật công trình của trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia được quy định ở mức tối thiểu, trong điều kiện cho phép có thể mở rộng để nâng cao tính đại diện của khu vực quan trắc.
13. Hành lang kỹ thuật công trình của các trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia được quy định cho từng loại công trình như sau:

a) Vườn quan trắc khí tượng bề mặt: khoảng cách 100 mét tính từ hàng rào của vườn ra các phía;

b) Tháp (cột) quan trắc khí tượng tự động: bán kính 10 mét tính từ chân tháp (cột);

c) Vườn phục vụ quan trắc khí tượng trên cao: khoảng cách 30 mét tính từ hàng rào của vườn ra các phía đồng thời phải đảm bảo độ thông thoáng để thả bóng thám không;

d) Tháp lắp đặt ra đa thời tiết: khoảng cách bằng 5 lần chiều cao của tháp ra các phía;

đ) Tháp lắp đặt thiết bị thu phát số liệu vệ tinh: khoảng cách bằng chiều cao của tháp ra các phía;

e) Công trình đo lưu lượng nước sông:

Đoạn sông có chiều dài bằng 500 mét về mỗi phía thượng lưu và hạ lưu tuyến đo lưu lượng.

Khoảng cách 10 mét về mỗi phía của công trình cáp treo thuyền, cầu treo, nôi treo, cáp tuần hoàn;

g) Công trình đo mực nước sông, hồ, biển:

Đoạn sông có chiều dài 30 mét về mỗi phía thượng lưu và hạ lưu tuyến đo.

Khoảng cách 30 mét tính từ công trình ra vùng nước trước công trình đối với trường hợp đo mực nước hồ, biển.

Khoảng cách 10 mét về 2 phía đối với tuyến bậc, cọc, thủy chí;

h) Công trình đo mưa: khoảng cách 10 mét tính từ chân công trình ra các phía. Trường hợp phương tiện đo mưa được lắp đặt vào vật kiến trúc có sẵn thì phải thông thoáng, đảm bảo độ chính xác của phép đo;

i) Công trình truyền phát thông tin khí tượng thủy văn: khoảng cách bằng chiều cao công trình tính từ chân công trình ra các phía.

1. Công trình khí tượng thủy văn trong đô thị thì các mức quy định về hành lang kỹ thuật tại khoản 2 Điều này có thể giảm xuống tối đa bằng một nửa (1/2).
2. Căn cứ các quy định về hành lang kỹ thuật công trình của trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng thuộc quyền quản lý.
3. **Bảo vệ hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn**
4. Bảo vệ hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia

a) Đặt mốc chỉ giới, biển báo hành lang lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn

Việc đặt mốc chỉ giới, biển báo để xác định ranh giới hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn được thực hiện theo quy định của pháp luật. Chủ quản lý công trình khí tượng thủy văn chịu trách nhiệm lập hồ sơ ranh giới hành lang kỹ thuật công trình gửi cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Công khai hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn

Hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn sau khi được phê duyệt phải được thông báo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 của Luật khí tượng thủy văn và công khai sơ đồ tại trụ sở của chủ quản lý công trình khí tượng thủy văn;

c) Trong phạm vi hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn không được thực hiện các hành vi quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật khí tượng thủy văn; đối với hành lang kỹ thuật của tháp lắp đặt ra đa thời tiết còn phải bảo đảm không có nguồn điện hoặc các nguồn phát điện trong bán kính 50m.

1. Bảo vệ hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và quy định của pháp luật có liên quan xác định ranh giới và bảo vệ hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn thuộc quyền quản lý.

1. **Bảo vệ hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn có trước ngày 01 tháng 7 năm 2016**
2. Chủ công trình khí tượng thủy văn phải lập hồ sơ ranh giới và công khai hành lang kỹ thuật theo quy định tại Nghị định này.
3. Công trình khí tượng thủy văn có hành lang kỹ thuật bị vi phạm phải được từng bước xử lý, khắc phục theo nguyên tắc vừa bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật quan trắc khí tượng thuỷ văn vừa phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế.
4. Việc xử lý những vi phạm có liên quan đến công trình khí tượng thủy văn quan trọng, gặp nhiều khó khăn, phức tạp thì Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có công trình khí tượng thủy văn bị vi phạm hành lang kỹ thuật đề xuất phương án trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

**Mục 3.**

**Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức, cá nhân không thuộc hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia**

1. **Điều kiện hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức**
2. Có tư cách pháp nhân: có trụ sở, có người đại diện theo pháp luật, có con dấu và tài khoản riêng.
3. Có cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp đáp ứng yêu cầu dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn gồm: trang thiết bị, hệ thống tính toán, thu nhận, xử lý thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn; có nguồn cung cấp dữ liệu ổn định; có quy trình kỹ thuật, công cụ dự báo, bảo đảm tính khoa học, độc lập, khách quan của các sản phẩm dự báo; có quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo.
4. Có đội ngũ nhân lực, trong đó ít nhất một người tốt nghiệp đại học chuyên ngành khí tượng thủy văn có 5 năm kinh nghiệm hoạt động dự báo, cảnh báo trở lên và hai nhân viên kỹ thuật chuyên ngành phù hợp.
5. **Điều kiện hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của cá nhân**
6. Có cơ sở vật chất, kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều 11 của Nghị định này.
7. Tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, có kinh nghiệm hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn từ 5 năm trở lên.
8. Cá nhân không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này phải hoàn thành khóa đào tạo do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức.
9. **Điều kiện hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam**
10. Có các điều kiện quy định tại khoản 2 khoản 3 Điều 11 của Nghị định này.
11. Được phép hoạt động, cư trú tại Việt Nam.
12. Có nhân lực thông thạo tiếng Việt hoặc có phiên dịch phù hợp.
13. **Nguyên tắc cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn**
14. Việc cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phải bảo đảm đúng thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 25 của Luật khí tượng thủy văn.

Đối với hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng phục vụ an toàn bay, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

1. Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Nghị định này.
2. Không cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với mục đích phục vụ nghiên cứu khoa học, hoạt động nội bộ của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
3. Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này không được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, không được sử dụng trong hoạt động dịch vụ khí tượng thủy văn.
4. **Nội dung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn**
5. Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.
6. Nguồn cung cấp dữ liệu cho hoạt động dự báo, cảnh báo.
7. Phạm vi hoạt động dự báo, cảnh báo.
8. Đối tượng cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo.
9. Chế độ, phương thức cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo.
10. Thời hạn của giấy phép.
11. **Thời hạn cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn**
12. Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn được cấp cho thời hạn tối đa là 5 năm.
13. Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn có thể được xem xét gia hạn tối đa hai lần, mỗi lần gia hạn không quá hai năm; được sửa đổi, bổ sung nội dung theo yêu cầu của người được cấp phép sau một năm kể từ ngày giấy phép được cấp, được gia hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung.
14. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp hoặc gia hạn giấy phép với thời hạn ngắn hơn thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì giấy phép được cấp hoặc gia hạn theo thời hạn đề nghị trong đơn.
15. **Hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn**
16. Hồ sơ cấp giấy phép cho tổ chức dự báo, cảnh báo:

a) Giấy đề nghị cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 1 của Nghị định này;

b) Quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh của tổ chức, bản sao có chứng thực;

c) Văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của đội ngũ nhân viên, bản sao có chứng thực;

d) Bản khai cơ sở vật chất, kỹ thuật; nguồn số liệu; quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo;

đ) Bản khai kinh nghiệm công tác của nhân viên tham gia dự báo, cảnh báo, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự.

1. Hồ sơ cấp giấy phép cho cá nhân hoạt động dự báo, cảnh báo:

a) Giấy đề nghị cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo Mẫu số 2 của Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học công nghệ do Bộ Khoa hoạc và Công nghệ cấp, bản sao có chứng thực;

c) Văn bằng, chứng chỉ đào tạo chuyên ngành phù hợp với nội dung xin cấp phép hoạt động dự báo, cảnh báo, bản sao có công chứng;

d) Bản khai cơ sở vật chất, kỹ thuật; nguồn số liệu; quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; quy trình quản lý, đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo;

đ) Bản khai kinh nghiệm công tác, có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự.

1. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép:

a) Giấy đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn giấy phép theo Mẫu số 3 của Nghị định này;

b) Báo cáo kết quả hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn kể từ khi được cấp giấy phép hoặc được sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 4 của Nghị định này;

c) Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã được cấp.

1. **Thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung** **giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn**
2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ

a) Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

1. Thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp:

Tổ chức, cá nhân gửi bản sao bộ hồ sơ xin cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép quy định tại Điều 17 của Nghị định này qua đường bưu điện tới cơ quan tiếp nhận hồ sơ; sau khi nhận được thông báo cấp phép mới trực tiếp nộp hồ sơ gốc và nhận giấy phép tại Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1. Thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp:

 Tổ chức, cá nhân trực tiếp gửi hồ sơ xin cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép quy định tại Điều 17 của Nghị định này cho Sở Tài nguyên và Môi trường và nhận giấy phép sau thời hạn quy định tương ứng tại Điều 19 của Nghị định này.

1. **Trình tự, thời gian cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung** **giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn**
2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra khẳng định tính hợp lệ của hồ sơ đã nhận; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân xin phép để hoàn thiện hồ sơ theo quy định;
3. Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm tra, trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc.

Trường hợp không đủ điều kiện cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết lý do.

1. **Cấp lại giấy phép hoạt động** **dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn**
2. Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn được cấp lại trong các trường hợp bị mất; bị rách nát, hư hỏng không thể sử dụng được.
3. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trực tiếp nộp giấy đề nghị theo Mẫu số 4 của Nghị định này tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo thủ tục tương tự trường hợp cấp giấy phép lần đầu.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm tra, cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện trong thời hạn 05 ngày làm việc; trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép thì trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết lý do.
5. **Thu hồi và trả lại giấy phép hoạt động** **dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn**
6. Thu hồi giấy phép trong các trường hợp:

 a) Tổ chức là chủ giấy phép bị giải thể hoặc bị Toà án tuyên bố phá sản;

 b) Cá nhân là chủ giấy phép bị chết, mất tích hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Giấy phép được cấp nhưng không sử dụng trong thời gian mười hai tháng liên tục mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

c) Chủ giấy phép vi phạm quyết định đình chỉ hiệu lực của giấy phép;

d) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền.

1. Trả lại giấy phép

a) Trường hợp không sử dụng giấy phép, chủ giấy phép có quyền trả lại giấy phép cho cơ quan cấp phép, đồng thời có văn bản giải trình lý do cho cơ quan cấp phép;

b) Tổ chức, cá nhân đã trả lại giấy phép chỉ được xem xét cấp giấy phép mới sau một năm, kể từ ngày trả lại giấy phép.

1. **Đình chỉ hiệu lực của giấy phép hoạt động** **dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn**
2. Giấy phép bị đình chỉ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nội dung quy định của giấy phép;

b) Tự ý chuyển nhượng giấy phép;

c) Lợi dụng giấy phép để tổ chức các hoạt động khí tượng thủy văn trái pháp luật.

1. Thời gian đình chỉ hiệu lực của giấy phép do cơ quan cấp giấy phép quyết định. Trong thời gian giấy phép bị đình chỉ hiệu lực thì chủ giấy phép không có các quyền và nghĩa vụ liên quan đến giấy phép.
2. **Chấm dứt hiệu lực của giấy phép hoạt động** **dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn**
3. Giấy phép bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép bị thu hồi;

b) Giấy phép đã hết hạn;

c) Giấy phép đã được trả lại.

1. Khi giấy phép bị chấm dứt hiệu lực thì các quyền và nghĩa vụ liên quan đến giấy phép cũng chấm dứt.

**Mục 4.**

**Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn**

1. **Nguyên tắc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn**
2. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn ngoài các mục đích quy định tại khoản 5 Điều 32 của Luật khí tượng thủy văn phải trả phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.
3. Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn phải có nguồn gốc rõ ràng, được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp xác nhận.
4. Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn được sử dụng phục vụ thiết kế công trình, chương trình, quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội phải được cập nhật đến năm gần nhất.
5. Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn phải được sử dụng đúng mục đích.
6. Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn được cung cấp miễn phí thì không được sử dụng vào mục đích dịch vụ.
7. **Thẩm quyền cung cấp, xác nhận nguồn gốc của thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng và xác nhận nguồn gốc của thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn gồm:

* + 1. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn.
		2. Tổ chức sự nghiệp công lập về khí tượng thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.
		3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ quản lý trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.
1. **Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn**
2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu theo hình thức phiếu hoặc văn bản yêu cầu được thực hiện theo quy định sau:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nộp phiếu yêu cầu hoặc gửi văn bản yêu cầu cho các cơ quan quản lý dữ liệu quy định tại Điều 25 của Nghị định này;

b) Khi nhận được văn bản yêu cầu hợp lệ của tổ chức, cá nhân, cơ quan tổ chức, cá nhân quản lý thông tin, dữ liệu thực hiện việc cung cấp thông tin, dữ liệu cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu;

c) Thời hạn cung cấp thông tin, dữ liệu do các bên thỏa thuận. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

1. Khai thác thông tin, dữ liệu thông qua hợp đồng giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 25 của Nghị định này và bên khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.
2. **Phương thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn**
3. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn không phải trả phí được thực hiện qua hệ thống thông tin công cộng, bao gồm hệ thống điện thoại, fax; hệ thống phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương; mạng internet; dịch vụ bưu chính trên mạng bưu chính công cộng, mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, quốc phòng, an ninh.
4. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn phải trả phí được thực hiện qua thỏa thuận giữa bên cung cấp và bên khai thác, sử dụng.
5. **Phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn**

Bộ Tài chính quy định mức phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.

1. **Quản lý, sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn**

Việc quản lý, sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

1. **Trách nhiệm thẩm định, thẩm tra, đánh giá nguồn gốc của thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn**
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội có sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc của thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.
3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thẩm định, thẩm tra, đánh giá chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội có sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn có trách nhiệm thẩm định, thẩm tra nguồn gốc và việc sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 24 của Nghị định này.

**Mục 5.**

**Trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn với tổ chức quốc tế,**

**tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên**

1. **Loại thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn được trao đổi với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài**
	* 1. Thông tin, dữ liệu khí tượng, thủy văn, kết quả giám sát biến đổi khí hậu thu được từ mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.
		2. Tin dự báo, cảnh báo và thông báo tình hình khí tượng thủy văn.
		3. Thông tin, dữ liệu về thiên tai khí tượng thủy văn, tác hại của thiên tai khí tượng thủy văn đã được Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai công bố.
		4. Thông tin về khí hậu Việt Nam; kết quả đánh giá khí hậu quốc gia của Việt Nam.
		5. Kịch bản biến đổi khí hậu của Việt Nam.
		6. Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính, đã công bố trong Niên giám thống kê hàng năm.
		7. Thông tin, dữ liệu quan trắc về ô - dôn, bảo vệ tầng ô - dôn và quản lý chất làm suy giảm tầng ô – dôn.
		8. Kết quả nghiên cứu khoa học về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu.
		9. Thông tin, dữ liệu khác liên quan đến khí tượng thủy văn do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định.
2. **Hình thức trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài**
3. Văn bản, ký hiệu.
4. Thư điện tử hoặc các phương tiện thông tin điện tử khác.
5. Bản sao trên vật mang tin.
6. **Cơ quan, tổ chức, cá nhân trao đổi thông tin, dữ liệu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài**
7. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì việc trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn với tổ chức quốc tế theo thỏa thuận hợp tác đa phương, song phương mà Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết.
8. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này có nhu cầu trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn với tổ chức, cá nhân nước ngoài phải gửi văn bản đề nghị tới Bộ Tài nguyên và Môi trường để xin phép.

Nội dung văn bản đề nghị phải bao gồm các thông tin sau:

a) Mục đích trao đổi thông tin, dữ liệu với tổ chức, cá nhân nước ngoài;

b) Loại, số lượng thông tin, dữ liệu cụ thể được trao đổi với tổ chức, cá nhân nước ngoài;

c) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân nước ngoài được trao đổi thông tin, dữ liệu;

d) Thời gian trao đổi thông tin, dữ liệu;

đ) Hình thức trao đổi thông tin, dữ liệu;

e) Thời hạn trao đổi thông tin, dữ liệu.

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và có ý kiến nhất trí bằng văn bản.

Trường hợp không nhất trí, Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sau khi kết thúc trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn với tổ chức, cá nhân nước ngoài, trong thời hạn 10 ngày có trách nhiệm gửi báo cáo theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này về Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý theo quy định.

**Chương 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. **Điều khoản thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

1. **Trách nhiệm thi hành.**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|   ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Kiểm toán Nhà nước;- Ngân hàng Chính sách Xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: Văn thư, KTN (3b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG** |